

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 12-5-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Mậu.

Ông Trần Đức Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/TLST - HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Đình H, sinh năm 1993; nơi sinh: Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn H, Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình V và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25-3-2015 bị Công an huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo quyết định số 90/QĐ-XPVPHC; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 01 năm 2020 cho đến nay.

- Bị hại: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện V, Nam Định.

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Thanh S, sinh năm 1983; cư trú tại: Làng T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Anh Phạm Ngọc G, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện V, Nam Định

(Có mặt bị cáo H; vắng mặt ông Đ, anh S, anh G).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Đình H có quen biết với ông Trần Văn Đ. Khoảng 14 giờ ngày 07-01-2020, H đi bộ từ nhà của mình ở thôn H, Xã T, huyện V, tỉnh Nam Định đến nhà ông Đ ở thôn B, xã M, huyện V, Nam Định chơi. Khi H đến nhà ông Đ thì chỉ có một mình ông Đ ở nhà. Sau khi ngồi chơi được một lúc, H xin ông Đ cho ngủ nhờ một lát, nhưng ông Đ từ chối thì H xin hút nốt điều thuốc lảo rồi về. Lúc này H nhìn thấy ở nhà ông Đ có 02 chiếc xe mô tô đang để ở lối đi từ cổng ra khu vực phía sau nhà, sát với mép sân, trong đó chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 đầu xe quay vào trong (phía Đông), đuôi xe hướng ra cổng (phía Tây) và để song song ngược hướng với chiếc xe mô tô màu đỏ, nhãn hiệu WAVE ALPHA, BKS 18F9-1967. Sau đó thì H ra về, khi đi được khoảng 100 m thì H dừng lại đi vệ sinh và nhìn về phía nhà ông Đ, H nhìn thấy ông Đ điều khiển xe mô tô BKS 18F9-1967 đi về phía thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Thấy vậy H liền nảy sinh ý định quay lại nhà ông Đ để trộm cắp chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 để bán lấy tiền tiêu sài. Khi quay trở lại nhà ông Đ, H thấy cổng đóng nhưng không khóa, H liền mở cổng rồi đi vào trong sân và đứng quan sát xung quanh thấy không có ai, các cửa nhà trong khóa, chiếc xe mô tô màu xanh nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 vẫn để ở vị trí cũ. H liền tiến lại gần chỗ để chiếc xe mô tô BKS 35N3-6320 và thấy xe không có chìa khóa, H liền dùng tay phải kéo các bó dây điện ở phần cổ xe bên trái ra và tìm bó dây điện của cụm ổ khóa điện xe mô tô được kết nối với hệ thống điện của xe mô tô thông qua các giắc cắm. H liền tháo các giắc cắm đó ra và quay đầu chiếc xe mô tô ra phía cổng sau đó ngồi lên xe dùng chân đạp cần khởi động của xe thì xe nổ máy được. H tiếp tục quan sát về phía cổng và xung quanh, thấy không có người H liền điều khiển xe mô tô đi về phía thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định hướng đường TL486B và đi vào quán sửa chữa xe máy của anh Trần Thanh S, sinh năm 1983 ở thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định để hỏi mượn mũ bảo hiểm của anh S, anh S đồng ý cho H mượn. Sau khi mượn được mũ bảo hiểm H tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về phía xã H, huyện V, tỉnh Nam Định với mục đích để tìm địa điểm tiêu thụ chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được, nhưng do không thấy có cửa hàng nào thu mua xe nên H lại điều khiển xe mô tô quay lại quán sửa chữa xe máy của anh S để trả mũ bảo hiểm cho anh S, đồng thời H hỏi anh S quán sửa chữa xe của anh S có mua, bán xe gì không. Anh S bảo quán chỉ bán chứ không mua nên H tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 35N3-6320 đi về nhà ở của mình, với mục đích cất giấu chiếc xe mô tô BKS 35N3-6320 để sau này bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trên đường đi về nhà H bị Công an xã M, huyện V, tỉnh Nam Định bắt giữ đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã M để làm việc. Tại UBND xã M và tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, H đã thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 của ông Đ đúng như nội dung đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 08-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 21-01-2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Nam Định đã trả lại chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 cho chủ sở

hữu hợp pháp là ông Trần Văn Đ và ông Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường.

Cáo trạng số 09/CT-VKSVB ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đình H đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY, BKS 35N3-6320 của ông Trần Văn Đ vào chiều ngày 07-01-2020 đúng như nội dung đã nêu trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi đó của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố tại phiên tòa đã giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” đúng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Đình H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07-01-2020; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo H.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Đình H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trần Đình H tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị cáo, của bị hại, của người làm chứng tại cơ quan điều tra; Biên bản vụ việc; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Vật chứng đã thu giữ; Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V và phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Do đó, Hội đồng xét xử đã có căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07-01-2020 tại nhà ở của gia đình ông Trần Văn Đ, sinh năm 1954 ở thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình ông Đ, bị cáo H đã nén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt của ông Đ 01 chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu MAJESTY,

BKS 35N3-6320, có giá trị là: 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối chiếu hành vi mà bị cáo H đã thực hiện với những quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định truy tố hành vi của bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và sự đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo H đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và làm cho người dân luôn lo sợ kẻ gian bất chấp pháp luật bằng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của mình. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25-3-2015 bị cáo đã bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội được, đồng thời cũng là để răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo H làm nghề tự do và không có thu nhập ổn định; tại phiên tòa bị cáo trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản của mình bị chiếm đoạt, trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử bị hại đều không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8]. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô của ông Đ, bị cáo H đã điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được đi đến quán sửa chữa xe máy của anh Trần Thanh S để mượn mũ bảo hiểm của anh S và đề nghị bán chiếc xe mô tô trộm cắp

được cho anh S, nhưng do anh S không hề biết được chiếc xe mô tô đó là tài sản do H trộm cắp mà có và anh S cũng không mua và cũng không có giúp sức gì cho bị cáo H trong việc tiêu thụ chiếc xe mô tô đó. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định không xem xét, xử lý trách nhiệm gì đối với anh S xét thấy là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Đình H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đình H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của bị hại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS;
- Phòng PV 27 CA tỉnh ND;
- UBND Xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân